TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HS-ST
Ngày 13-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H,TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn M1nh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Ngọc Canh;
2. Ông Trần Duy Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn M1nh Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2020/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 12 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Phạm M1nh P (tên gọi khác: N), sinh ngày 07 tháng 11 năm 2001, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm M, phường A, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 1/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Phạm Văn M1, sinh năm: 1964 và bà Phạm Thị P1, sinh năm: 1973; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: 02 người, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền sự: Chưa; Tiền án: Chưa; Về nhân thân:

- Ngày 26/9/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã H (nay là Tòa án nhân dân thành phố H), tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2019), về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2019/HS-ST);

- Ngày 10/9/2020 bị Tòa án nhân dân thị xã H (nay là Tòa án nhân dân thành phố H), tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù bị cáo bị xét xử tại bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2019/HS-ST, ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã H (nay là Tòa án nhân dân thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 năm 09 tháng tù (Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2020/HS-ST);

Tạm giữ: Ngày 21/8/2020; Tạm giam: Từ ngày 30/8/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tam giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Thị G, sinh năm 1994, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm Cả Gốc, phường A, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ ; Con ông Nguyễn Văn Hoàng, sinh năm 1968 (chết) và bà Bùi Thị Tân, sinh năm 1970; Chồng, con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: 03 người, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền sự: Chưa; Tiền án: Chưa; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Huỳnh Hoàng K, sinh năm 1999, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm M, phường A, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Huỳnh Hoàng T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị M2 D, sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: 03 người, bị cáo là con lớn trong gia đình; Tiền sự: Chưa; Tiền án: Chưa; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại*: Mạc Thị Ngọc M1, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Nơi cư trú: Khóm 2, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Nguyễn Văn M2, sinh năm 1982 (vắng mặt);
2. Nguyễn Thị N2, sinh năm 1962 (có mặt);
Cùng nơi cư trú: Khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.
- *Người làm chứng:* Võ Văn L, sinh năm 1974 (vắng mặt).
Nơi cư trú: Khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm M1nh P (tên gọi khác: N) đang trong thời gian chấp hành hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng kể từ ngày 26/9/2019 theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2019/HS-ST, ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã H, (nay là Tòa án nhân dân thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng trước đó vào ngày 04/8/2019 P cùng với đồng phạm khác thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, nên ngày 05/12/2019 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H (nay là thành phố H) khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Nhưng do lười lao động, nghiện chất ma túy lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân, mua ma túy sử dụng nên nảy sinh ý định tìm kiếm tài sản của người khác để lấy trộm. Cụ thể:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 8 năm 2020 Phạm M1nh P và Nguyễn Thị G đi bộ từ nhà ở khóm M, phường A, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp đến quán Cà phê của bà Nguyễn Thị N2 (cùng địa chỉ với nhà P) thì gặp Huỳnh Hoàng K nên cùng ngồi uống nước tại đây và nói chuyện, một lúc sau P hỏi K mượn cây kiềm để đi trộm tài sản nhưng không có.

Đến khoảng 23 giờ 15 phút, cùng ngày P đi bộ ra phía sau nhà bà N2 lấy một cây kiềm cắt sắt loại lớn (không rõ của ai) để lên xe đạp (xe mượn của một người tên Vũ Linh) và chạy xung quanh Khu vực chợ H với mục đích tìm tài sản để lấy trộm, khi đến Kiốt bán tạp hóa tên "THÚY" thuộc khóm 4, phường A, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp do bà Mạc Thị Ngọc M1 làm chủ, quan sát thấy cửa đã bị khóa nhưng không người trông coi nên lén lút dùng kéo cắt 02 ổ khóa rồi đi vào bên trong tìm kiếm tài sản để lấy trộm và phát hiện trong một hộp tủ bàn bằng gỗ có để số tiền 2.860.000đồng (gồm 01 tờ loại mệnh giá 500.000đồng và nhiều tờ loại mệnh giá 10.000đồng, 20.000đồng) và phía trên bàn có để các Thẻ card điện thoại mạng VINAPHONE, mạng VIETTEL, .v.v.., trị giá 2.510.000đồng gồm các thẻ loại 20.000đồng, 50.000đồng và 100.000đồng nên lấy bỏ vào bọc nilong, đồng thời cất giấu vào trong áo khoác đang mặc, lấy xe đạp chạy khỏi hiện trường.

Sau khi lấy được các tài sản trên, P mang về nhà K rồi cùng với G và K kiểm tra, khi đó đưa cho K số tiền 650.000đồng và 04 thẻ card có giá trị 400.000đồng (mỗi thẻ card có giá trị 100.000đồng); P nạp vào điện thoại của P 04 thẻ card có giá trị 200.000đồng (mỗi thẻ card có giá trị 50.000đồng), trả tiền mượn của bà N2 200.000đồng và tiêu xài cá nhân khoảng hơn 200.000đồng; Đưa cho G số tiền 1.260.000đồng và 37 thẻ card điện thoại nên G sử dụng 04 thẻ card có tổng giá trị 200.000đồng (mỗi thẻ card có giá trị 50.000đồng) và dùng 33 thẻ card (có tổng

giá trị 990.000đồng) chuộc lại điện thoại G đã cầm cố cho ông Nguyễn Văn M2. Khi bà N2, ông M2 nhận tiền và thẻ card, không biết P lấy trộm của bà M1.

Khi phát hiện các tài sản trên bị mất bà Mạc Thị Ngọc M1 đã trình báo đến Công an phường A, thị xã H (nay là thành phố H). Qua rà soát và đối chiếu với đoạn video tại hiện trường mất trộm, Công an phường A phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H (nay là thành phố H) tiến hành triệu tập P về làm việc; Qua quá trình làm việc, P đã thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm nên Cơ quan điều tra tiến hành thu hồi các tài sản P chưa sử dụng. Đối với Nguyễn Thị G và Huỳnh Hoàng K đều biết tiền và các thẻ card điện thoại nhận là do P trộm được mà có, đã thành khẩn khai báo tòan bộ hành vi phạm tội đã thực hiện.

Vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ: Tiền Việt Nam: 1.620.000đồng (Một triệu sáu trăm hai chục nghìn đồng), gồm: 03 tờ tiền mệnh giá 100.000đồng, 09 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 29 tờ tiền mệnh giá 20.000đồng và 29 tờ tiền mệnh giá 10.000đồng; 04 (Bốn) card điện thoại mạng VINAPHONE loại 50.000đồng, đã qua sử dụng; 07 (Bảy) card điện thoại mạng VINAPHONE loại 50.000đồng, chưa qua sử dụng; 22 (Hai mươi hai) card điện thoại mạng VINAPHONE loại 20.000đồng, chưa qua sử dụng; 04 (Bốn) card điện thoại mạng VIETTEL loại 50.000đồng, chưa qua sử dụng; 01 (Một) cái nón vải màu đen; 01 (Một) áo vải tay dài màu xanh trắng (sọc carô); 01 (Một) quần Jean dài màu đen.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐG, ngày 26/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự - thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, kết luận như sau:

- 04 (Bốn) card điện thoại loại mạng Vinaphone loại 50.000đồng, đã qua sử dụng. Giá kK sát trên thị trường, bình quân tại thời điểm là 0 đồng (không đồng);

- 07 (Bảy) card điện thoại loại mạng Vinaphone loại 50.000đồng, chưa qua sử dụng. Giá kK sát trên thị trường, bình quân tại thời điểm là 50.000đồng x 7 = 350.000đồng (Ba trăm năm chục nghìn đồng);

- 22 (Hai mươi hai) card điện thoại loại mạng Vinaphone loại 20.000đồng, chưa qua sử dụng. Giá kK sát trên thị trường, bình quân tại thời điểm là 20.000đồng x 22 = 440.000đồng (Bốn trăm bốn chục nghìn đồng);

- 04 (Bốn) card điện thoại loại mạng Viettel loại 50.000đồng, chưa qua sử dụng. Giá kK sát trên thị trường, bình quân tại thời điểm là 50.000đồng x 4 = 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Quá trình truy tố Viện kiểm sát quyết định trả lại số tiền đã tạm giữ 1.620.000đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) cho bị hại M1.

Về dân sự trong vụ án: Bị hại Mạc Thị Ngọc M1 nhận lại số tiền 1.620.000 đồng đã thu hồi được trong giai đoạn điều tra, bị cáo Huỳnh Hoàng K đã khắc phục số tiền thiệt hại cho bị hại M1 là 850.000đồng. Chị M1 yêu cầu bị cáo P bồi thường tiếp số tài sản bị thiệt hại là 1.950.000đồng; Yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị G bồi thường tiếp 1.460.000đồng; Yêu cầu bị cáo Huỳnh Hoàng K bồi thường tiếp 200.000đồng.

Tại bản cáo trạng số: 59/CT-VKSTPHN, ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Phạm M1nh P về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Nguyễn Thị G và Huỳnh Hoàng K về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Phạm M1nh P đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị G và Huỳnh Hoàng K đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm M1nh P về tội: "Trộm cắp tài sản"; truy tố các bị cáo Nguyễn Thị G và Huỳnh Hoàng K về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm M1nh P từ 01năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 năm 09 tháng tù bị cáo bị xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H (nay là Tòa án nhân dân thành phố H),tỉnh Đồng Tháp theo quy định pháp luật.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Hoàng K mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Đối với bà Nguyễn Thị N2 và ông Nguyễn Văn M2 khi nhận tiền và card điện thoại do bị cáo G trả, bà N2 và ông M2 không biết đây là tài sản do phạm

tội mà có, không có cơ sở xử lý bà N2 và ông M2 về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý; Đối với chiếc xe đạp, P dùng làm phương tiện đi trộm tài sản, cho rằng mượn của một người có tên Vũ Linh ở khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, qua điều tra chưa làm việc được với Vũ Linh, khi nào làm việc được nếu có cơ sở sẽ xem xét xử lý sau, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại Mạc Thị Ngọc M1 số tiền thu hồi được trong giai đoạn điều tra là 1.620.000đồng, xét thấy việc xử lý số tiền trên của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Đối với các tài sản còn lại gồm: 07 (Bảy) card điện thoại mạng VINAPHONE loại 50.000đồng, chưa qua sử dụng; 22 (Hai mươi hai) card điện thoại mạng VINAPHONE loại 20.000đồng, chưa qua sử dụng; 04 (Bốn) card điện thoại mạng VIETTEL loại 50.000đồng, chưa qua sử dụng mà bị cáo Phạm M1nh P lấy trộm của chị Mạc Thị Ngọc M1, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho chị Mạc Thị Ngọc M1 là phù hợp pháp luật.

Đối với các tài sản gồm: 01 (Một) cái nón vải màu đen; 01 (Một) áo vải tay dài màu xanh trắng (sọc carô); 01 (Một) quần Jean dài màu đen, Xét thấy các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo Phạm M1nh P là phù hợp pháp luật.

Đối với 04 (Bốn) card điện thoại mạng VINAPHONE loại 50.000 đồng, đã qua sử dụng, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn truy tố, bị hại Mạc Thị Ngọc M1 đã nhận lại số tiền 1.620.000đồng và nhận thêm 850.000đồng do bị cáo Huỳnh Hoàng K khắc phục, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Phạm M1nh P bồi thường tiếp cho bị hại Mạc Thị Ngọc M1 số tiền 1.950.000đồng (trong đó có phần giá trị 02 ổ khóa bị hư là 850.000đồng); Buộc bị cáo Nguyễn Thị G bồi thường tiếp cho bị hại Mạc Thị Ngọc M1 1.460.000đồng; Buộc bị cáo Huỳnh Hoàng K bồi thường tiếp cho bị hại Mạc Thị Ngọc M1 200.000đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm M1nh P, Nguyễn Thị G, Huỳnh Hoàng K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo cáo trạng truy tố của Viện

kiểm sát, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo thống nhất với nội D luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm M1nh P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nhưng vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng, bị cáo đã lén lút dùng cây kiềm cắt sắt loại lớn cắt bỏ 02 ổ khóa cửa rồi đi vào bên trong kiốt của bị hại Mạc Thị Ngọc M1 để trộm tài sản gồm tiền và card điện thoại di động nhằm mục đích để sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Căn cứ Bản Kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐG, ngày 26/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự - thị xã H (*nay là thành phố H*), tỉnh Đồng Tháp, thì tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 5.370.000đồng.

Căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo P, lời khai của bị cáo G và K, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Phạm M1nh P đã phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 173. **Tội trộm cắp tài sản**

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"

[3] Đối với các bị cáo Nguyễn Thị G và Huỳnh Hoàng K, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mình thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Tuy không có hứa hẹn trước và các bị cáo biết các tài sản mà bị cáo Phạm M1nh P có được do phạm tội mà có, nhưng các bị cáo vẫn tham gia đem tài sản đi tiêu thụ nhằm mục đích muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, trong đó bị cáo Nguyễn Thị G tiêu thụ tài sản có giá trị 2.450.000đồng, bị cáo Huỳnh Hoàng K tiêu thụ tài sản có giá trị là 1.050.000đồng.

Căn cứ lời thừa nhận của các bị cáo, lời khai của bị cáo Phạm M1nh P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị G và Huỳnh Hoàng K đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Điều 323. **Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có**

"1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, đồng thời làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, làm cho người dân hoang mang lo sợ, thiếu an tâm trong lao động sản xuất, do đó phải xử lý nghiêm để thể hiện tính nghiêm M1nh của pháp luật.

[4] Về nhân thân của các bị cáo:

Đối với bị cáo Phạm M1nh P: Bản thân bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đã bị xử lý hình sự, đáng ra bị cáo phải biết ăn năn, hối cải về hành vi sai trái của mình. Với tuổi đời còn trẻ bị cáo phải biết tìm cho mình một việc làm hợp pháp để có thu nhập chính đáng từ công sức lao động của mình, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà lại ngược lại trong thời gian chờ điều tra xử lý, do nghiện ma túy và muốn có tiền để mua ma túy sử dụng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, điều đó thể hiện bị cáo thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện nhân cách sống, thể hiện bản chất xem thường pháp luật.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thị G và Huỳnh Hoàng K: Bản thân các bị cáo tuổi đời còn trẻ, lại nghiện ma túy, không biết tu dưỡng rèn luyện nhân cách, vì muốn có tiền tiêu xài mà dễ dàng dẫn đến con đường phạm tội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm M1nh P được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội đã thực hiện; Bị cáo Nguyễn Thị G được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Huỳnh Hoàng K được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội mà mình gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng thời gian nhất định nhằm để giáo dục, răn đe cho những ai có ý định phạm tội như các bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm M1nh P cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc hơn mức hình phạt đã xét xử đối với bị cáo trước đây để thể hiện tính nghiêm M1nh của pháp luật, giúp cho bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị G, xét về giá trị tài sản bị cáo tiêu thụ lớn, nhưng tính chất, mức độ do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm M1nh của pháp luật.

Đối với bị cáo Huỳnh Hoàng K, xét về giá trị tài sản bị cáo tiêu thụ ít hơn so với bị cáo Nguyễn Thị G và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự so với bị cáo Nguyễn Thị G, nhưng xét về tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra cũng nguy hiểm cho xã hội nên cần xử bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc.

[7] Đối với bà Nguyễn Thị N2 và ông Nguyễn Văn M2 khi nhận tiền và card điện thoại do bị cáo G trả, bà N2 và ông M2 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, không có cơ sở xử lý bà N2 và ông M2 về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Đối với chiếc xe đạp, P dùng làm phương tiện đi trộm tài sản, cho rằng mượn của một người có tên Vũ Linh ở khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, qua điều tra chưa làm việc được với ông Vũ Linh, khi nào làm việc được nếu có cơ sở sẽ xem xét xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại Mạc Thị Ngọc M1 số tiền thu hồi được trong giai đoạn điều tra là 1.620.000đồng, xét thấy việc xử lý số tiền trên của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý đối với số tiền nay.

Đối với các tài sản còn lại gồm: 07 (Bảy) card điện thoại mạng VINAPHONE loại 50.000đồng, chưa qua sử dụng; 22 (Hai mươi hai) card điện thoại mạng VINAPHONE loại 20.000đồng, chưa qua sử dụng; 04 (Bốn) card điện thoại mạng VIETTEL loại 50.000đồng, chưa qua sử dụng mà bị cáo Phạm M1nh P lấy trộm của chị Mạc Thị Ngọc M1, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho chị Mạc Thị Ngọc M1 là phù hợp pháp luật.

Đối với các tài sản gồm: 01 (Một) cái nón vải màu đen; 01 (Một) áo vải tay dài màu xanh trắng (sọc carô); 01 (Một) quần Jean dài màu đen. Xét thấy các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo Phạm M1nh P là phù hợp pháp luật.

Đối với 04 (Bốn) card điện thoại mạng VINAPHONE loại 50.000đồng, đã qua sử dụng, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn truy tố, bị hại Mạc Thị Ngọc M1 đã nhận lại số tiền 1.620.000đồng và nhận thêm 850.000đồng do bị cáo Huỳnh Hoàng K khắc phục, chị Mạc Thị Ngọc M1 yêu cầu bị cáo Phạm M1nh P bồi thường tiếp 1.950.000đồng (có phần giá trị 02 ổ khóa bị hư trị giá 850.000đồng), yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị G bồi thường tiếp 1.460.000đồng, yêu cầu bị cáo Huỳnh Hoàng K bồi thường tiếp 200.000đồng. Xét yêu cầu của bị hại là phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Phạm M1nh P bồi thường tiếp cho bị hại Mạc Thị Ngọc M1 1.950.000đồng; Buộc bị cáo Nguyễn Thị G bồi thường tiếp cho bị hại Mạc Thị Ngọc M1 1.460.000đồng; Buộc bị cáo Huỳnh Hoàng K bồi thường tiếp cho bị hại Mạc Thị Ngọc M1 200.000đồng.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và sống bằng nghề làm thuê, thu nhập không ổn định, nên Hội đồng xét xử không cần áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội D luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[12] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, M1ễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm M1nh P (tên gọi khác: N) phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Phạm M1nh P 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù bị cáo bị xét xử tại bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H (nay là Tòa án nhân dân thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ: Ngày 21/8/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s, i khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị G phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b, s, i khoản 1, Điều 51của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Hoàng K phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hoàng K 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị hại Mạc Thị Ngọc M1: 07 (Bảy) card điện thoại mạng VINAPHONE loại 50.000đồng, chưa qua sử dụng; 22 (Hai mươi hai) card điện thoại mạng VINAPHONE loại 20.000đồng, chưa qua sử dụng; 04 (Bốn) card điện thoại mạng VIETTEL loại 50.000đồng, chưa qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Phạm M1nh P: 01 (Một) cái nón vải màu đen; 01 (Một) áo vải tay dài màu xanh trắng (sọc carô); 01 (Một) quần Jean dài màu đen,

Tịch thu tiêu hủy 04 (Bốn) card điện thoại mạng VINAPHONE loại 50.000đồng, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2020, hiện Chi cục thi hành án Dân sự thành phố H đang quản lý).

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Phạm M1nh P bồi thường tiếp cho bị hại Mạc Thị Ngọc M1 1.950.000đồng (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); Buộc bị cáo Nguyễn Thị G bồi thường tiếp cho bị hại Mạc Thị Ngọc M1 1.460.000đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng); Buộc bị cáo Huỳnh Hoàng K bồi thường tiếp cho bị hại Mạc Thị Ngọc M1 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, M1ễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm M1nh P, bị cáo Nguyễn Thị G và bị cáo Huỳnh Hoàng K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/01/2021).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. H;
- Nhà tạm giữ Công an TP. H;
- Cơ quan điều tra Công an TP. H;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn M1nh Thống